

UBND TỈNH THÁI NGUYÊN
SỞ LAO ĐỘNG-THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /SLĐTBXH-GDNN
V/v đề nghị tham gia ý kiến dự thảo
Thông tư quy định chuẩn về chuyên môn,
nhiệm vụ của nhà giáo GDNN

Thái Nguyên, ngày tháng 4 năm 2023

Kính gửi:

- Các sở, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Thực hiện Công văn số 1012/LĐTBXH-TCGDNN ngày 23/3/2023 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Công văn số 1251/UBND-KGVX ngày 27/3/2023 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc góp ý vào dự thảo Thông tư quy định chuẩn về chuyên môn, nhiệm vụ của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp.

Để có cơ sở tổng hợp, báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư quy định chuẩn về chuyên môn, nhiệm vụ của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trân trọng đề nghị quý cơ quan, đơn vị (như kính gửi) nghiên cứu tham gia ý kiến đối với dự thảo Thông tư (lần 2) kèm theo Công văn số 1012/LĐTBXH-TCGDNN của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và gửi về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (Phòng Giáo dục nghề nghiệp) **trước ngày 14/4/2023** để Sở tổng hợp, báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND tỉnh Thái Nguyên.

(Có các văn bản gửi kèm theo)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
 - Lưu: VT, GDNN.
- Duongttt.T4/2023.60b

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Phạm Hoàng Hải

**BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **1012**/LĐTBXH-TCGDNN

Hà Nội, ngày **23** tháng **3** năm 2023

V/v xin ý kiến đối với dự thảo Thông tư quy định chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp

Kính gửi:

- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên.

Thực hiện chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm 2023, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tổ chức xây dựng dự thảo Thông tư quy định chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp thay thế Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp, bãi bỏ Thông tư số 21/2020/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH và Điều 4 Thông tư số 34/2018/TT-BLĐTBXH.

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trân trọng đề nghị Quý cơ quan tham gia ý kiến góp ý (dự thảo Thông tư được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ, Cổng thông tin điện tử Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Trang tin điện tử của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp). Văn bản góp ý gửi về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (qua Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp - Phòng 802, Tòa nhà Minori, Số 67A Trương Định, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội; điện thoại: 0243.9740.333/802; Email: vunhagio.tcgdnn@molisa.gov.vn) trước ngày 29/4/2023 để tổng hợp, hoàn thiện và ban hành Thông tư.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý cơ quan./k/

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ (để đăng tải);
- TTTT Bộ, TCGDNN (để đăng tải);
- Lưu: VT, TCGDNN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Lê Tấn Dũng

Số: /2023/TT-BLĐTBXH

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

Dự thảo 2

THÔNG TƯ

Quy định chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 62/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Nghị định số 15/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Giáo dục nghề nghiệp;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp;

Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư quy định chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp và hướng dẫn sử dụng chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ để đánh giá, xếp loại nhà giáo giáo dục nghề nghiệp.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Thông tư này áp dụng đối với nhà giáo giảng dạy trình độ sơ cấp, trung cấp, cao đẳng trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên; cơ quan, tổ chức và cá nhân khác có liên quan.

2. Thông tư này không áp dụng đối với nhà giáo giảng dạy nhóm ngành đào tạo giáo viên thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo; nhà giáo giảng dạy chương trình giáo dục trung học phổ thông trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên.

Điều 3. Mục đích quy định chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp

1. Làm căn cứ để nhà giáo trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên

tự đánh giá năng lực chuyên môn, nghiệp vụ; xây dựng và thực hiện kế hoạch rèn luyện, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu đổi mới trong giáo dục nghề nghiệp

2. Làm căn cứ để cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên đánh giá năng lực chuyên môn, nghiệp vụ để xếp loại nhà giáo giáo dục nghề nghiệp; từ đó xây dựng và triển khai kế hoạch bồi dưỡng, phát triển năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo đáp ứng mục tiêu phát triển giáo dục nghề nghiệp của nhà trường, địa phương và lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.

3. Làm căn cứ để cơ quan quản lý nhà nước nghiên cứu, xây dựng và thực hiện chế độ, chính sách để chuẩn hóa và phát triển đội ngũ nhà giáo giáo dục nghề nghiệp; lựa chọn, sử dụng đội ngũ nhà giáo trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên.

4. Làm căn cứ để các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo giáo dục nghề nghiệp xây dựng, phát triển chương trình và tổ chức đào tạo, bồi dưỡng để chuẩn hóa và phát triển năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp là hệ thống các tiêu chí, các chỉ số về năng lực nghề nghiệp mà nhà giáo cần đạt được nhằm đáp ứng mục tiêu giáo dục nghề nghiệp ở các cấp trình độ đào tạo: sơ cấp, trung cấp, cao đẳng.

2. Tiêu chí là những nội dung cụ thể của chuẩn, thể hiện năng lực của nhà giáo. Trong mỗi tiêu chí có các chỉ số đánh giá.

3. Chỉ số là mức độ yêu cầu về một khía cạnh cụ thể của tiêu chí.

4. Minh chứng là các hồ sơ, tài liệu, tư liệu, sự vật, hiện tượng, nhân chứng được dẫn ra để xác nhận một cách khách quan mức độ đạt được của chỉ số.

5. Dạy tích hợp là vừa dạy lý thuyết vừa dạy thực hành trong một môn học, mô-đun.

6. Trình độ trung cấp chuyên nghiệp là cấp trình độ đào tạo được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 4 Luật Giáo dục năm 2005.

7. Trình độ sơ cấp nghề, trung cấp nghề, cao đẳng nghề là các cấp trình độ đào tạo được quy định tại Điều 6 Luật Dạy nghề năm 2006.

8. Trình độ sơ cấp, trung cấp, cao đẳng là các cấp trình độ đào tạo được quy định tại khoản 1 Điều 3 Luật Giáo dục nghề nghiệp năm 2014.

9. Hoạt động khoa học và công nghệ là hoạt động được quy định tại Điều 3 của Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013.

10. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ bao gồm đề tài khoa học và công nghệ, chương trình khoa học và công nghệ, đề án khoa học, dự án sản xuất thử nghiệm, dự án khoa học và công nghệ. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp được quy định tại Điều 25, Điều 26, Điều 27, Điều 28 của Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ.

Chương II

CHUẨN VỀ CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ CỦA NHÀ GIÁO DẠY TRÌNH ĐỘ SƠ CẤP

Mục 1

CHUẨN VỀ CHUYÊN MÔN CỦA NHÀ GIÁO DẠY TRÌNH ĐỘ SƠ CẤP

Điều 5. Tiêu chí 1 về Trình độ đào tạo

Có bằng tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp hoặc trung cấp nghề hoặc trung cấp trở lên, phù hợp với nghề giảng dạy hoặc có chứng chỉ kỹ năng nghề để dạy trình độ sơ cấp phù hợp với nghề giảng dạy.

Nếu không có chứng chỉ kỹ năng nghề để dạy trình độ sơ cấp phù hợp với nghề giảng dạy thì phải có một trong các minh chứng về trình độ kỹ năng nghề phù hợp với nghề giảng dạy sau: Chứng chỉ hành nghề theo quy định của pháp luật; Chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bậc 1; Chứng nhận nghề nhân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Chứng nhận bậc thợ 3/7 hoặc 2/6; hoặc các văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận tương đương trở lên.

Điều 6. Tiêu chí 2 về Năng lực sử dụng ngoại ngữ

Có năng lực sử dụng ngoại ngữ trong thực hiện nhiệm vụ của nhà giáo dạy trình độ sơ cấp theo yêu cầu vị trí việc làm được quy định tại Đề án vị trí việc làm do cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Điều 7. Tiêu chí 3 về Năng lực ứng dụng công nghệ thông tin

Có năng lực ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện nhiệm vụ của nhà giáo dạy trình độ sơ cấp theo yêu cầu vị trí việc làm được quy định tại Đề án vị trí việc làm do cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Mục 2

CHUẨN VỀ NGHIỆP VỤ CỦA NHÀ GIÁO DẠY TRÌNH ĐỘ SƠ CẤP

Điều 8. Tiêu chí 4 về Trình độ nghiệp vụ sư phạm

Có một trong các minh chứng về trình độ nghiệp vụ sư phạm sau: Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm dạy trình độ sơ cấp; Chứng chỉ sư phạm dạy nghề dạy trình độ sơ cấp nghề; Chứng chỉ bồi dưỡng sư phạm bậc 1 hoặc các văn bằng, chứng chỉ tương đương trở lên.

Điều 9. Tiêu chí 5 về Tổ chức hoạt động giảng dạy

1. Lập được kế hoạch giảng dạy và xây dựng giáo án của mô-đun được phân công giảng dạy.
2. Thực hiện các giờ dạy lý thuyết, thực hành, tích hợp theo quy định.
3. Sử dụng được các phương tiện, thiết bị dạy học liên quan đến mô-đun được phân công giảng dạy.
4. Vận dụng được một số phương pháp sư phạm phù hợp trong tổ chức dạy học để phát huy tính tích cực, chủ động học tập của người học.
5. Thực hiện việc giáo dục đạo đức nghề nghiệp, thái độ nghề nghiệp thông qua việc giảng dạy mô-đun theo kế hoạch đã xây dựng.
6. Quản lý được thông tin liên quan đến người học trong quá trình giảng dạy.
7. Giám sát được việc học tập, rèn luyện của người học theo kế hoạch đã xây dựng.
8. Thực hiện việc kiểm tra, đánh giá người học một cách toàn diện, chính xác, mang tính giáo dục và đúng quy định.
9. Thực hiện đầy đủ các quy định về sử dụng, bảo quản, lưu trữ biểu mẫu, sổ sách, hồ sơ dạy học theo quy định.

Điều 10. Tiêu chí 6 về Học tập, bồi dưỡng nâng cao

1. Tham gia dự giờ hoặc chủ trì báo cáo sinh hoạt chuyên môn trong năm học.
2. Tham gia thực tập tại doanh nghiệp hằng năm theo quy định.
3. Thường xuyên tự học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; cập nhật kiến thức, kỹ năng nghề, công nghệ mới, chuyển đổi số, phương pháp giảng dạy trong năm học.
4. Tham gia các kỳ thi hoặc cuộc thi hoặc hội thi hoặc hội giảng từ cấp cơ sở trở lên.

Điều 11. Tiêu chí 7 về Phát triển năng lực nghề nghiệp cho người học

1. Tham gia hướng dẫn thực tập cho người học kết hợp với thực tiễn nghề nghiệp trong năm học.
2. Tham gia bồi dưỡng nâng cao, luyện tay nghề người học hoặc nhà giáo đi thi kỳ thi kỹ năng nghề hoặc cuộc thi, hội thi hoặc hội giảng từ cấp cơ sở trở lên.

Chương III

CHUẨN VỀ CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ CỦA NHÀ GIÁO DẠY TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP

Mục 1

CHUẨN VỀ CHUYÊN MÔN CỦA NHÀ GIÁO DẠY TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP

Điều 12. Tiêu chí 1 về Trình độ đào tạo

1. Đối với nhà giáo dạy lý thuyết: Có bằng cử nhân hoặc văn bằng trình độ tương đương trở lên phù hợp với ngành, nghề giảng dạy.

2. Đối với nhà giáo dạy thực hành: Có chứng chỉ kỹ năng nghề để dạy thực hành trình độ trung cấp phù hợp với ngành, nghề giảng dạy.

Nếu không có chứng chỉ kỹ năng nghề để dạy thực hành trình độ trung cấp phù hợp với ngành, nghề giảng dạy thì phải có một trong các minh chứng về trình độ kỹ năng nghề phù hợp với ngành, nghề giảng dạy sau: Bằng chứng nhận danh hiệu Nghệ nhân ưu tú, Nghệ sĩ ưu tú, Thầy thuốc ưu tú, Nhà giáo ưu tú; Bằng bác sĩ chuyên khoa cấp I; Bằng cử nhân đối với một số ngành, nghề đào tạo đặc thù (Nghệ thuật, Huấn luyện thể thao, Giáo dục thể chất, Máy tính và công nghệ thông tin, Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài, Ngôn ngữ, văn học và văn hóa Việt Nam); Bằng tốt nghiệp cao đẳng nghề, bằng tốt nghiệp cao đẳng; Chứng chỉ hành nghề theo quy định của pháp luật; Chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bậc 2; Chứng chỉ kỹ năng thực hành nghề trình độ cao đẳng nghề; Chứng nhận bậc thợ 4/7 hoặc 3/6; hoặc các văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận tương đương trở lên.

3. Đối với nhà giáo dạy tích hợp:

a) Có bằng cử nhân hoặc văn bằng trình độ tương đương trở lên, phù hợp với ngành, nghề giảng dạy;

b) Có chứng chỉ kỹ năng nghề để dạy thực hành trình độ trung cấp phù hợp với ngành, nghề giảng dạy. Nếu không có chứng chỉ kỹ năng nghề để dạy thực hành trình độ trung cấp phù hợp với ngành, nghề giảng dạy thì phải có một trong các minh chứng về trình độ kỹ năng nghề được quy định tại khoản 2 của Điều này.

Điều 13. Tiêu chí 2 về Năng lực sử dụng ngoại ngữ

Có năng lực sử dụng ngoại ngữ trong thực hiện nhiệm vụ của nhà giáo dạy trình độ trung cấp theo yêu cầu vị trí việc làm được quy định tại Đề án vị trí việc làm do cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Điều 14. Tiêu chí 3 về Năng lực ứng dụng công nghệ thông tin

Có năng lực ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện nhiệm vụ của nhà giáo dạy trình độ trung cấp theo yêu cầu vị trí việc làm được quy định tại Đề án vị trí việc làm do cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Mục 2

CHUẨN VỀ NGHIỆP VỤ CỦA NHÀ GIÁO DẠY TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP

Điều 15. Tiêu chí 4 về Trình độ nghiệp vụ sư phạm

Có một trong các minh chứng về trình độ nghiệp vụ sư phạm sau: Bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm, cao đẳng sư phạm kỹ thuật; Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm dạy trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp; Chứng chỉ sư phạm dạy nghề dạy trình độ trung cấp nghề, cao đẳng nghề; Chứng chỉ bồi dưỡng sư phạm bậc 2; Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm dạy trình độ trung cấp; Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm

giáo viên trung cấp chuyên nghiệp hoặc các văn bằng, chứng chỉ tương đương trở lên.

Điều 16. Tiêu chí 5 về Tổ chức hoạt động giảng dạy

1. Lập được kế hoạch giảng dạy và xây dựng giáo án của môn học, mô-đun được phân công giảng dạy.
2. Thực hiện các giờ dạy lý thuyết, thực hành, tích hợp theo quy định.
3. Sử dụng thành thạo các phương tiện, thiết bị dạy học liên quan đến môn học, mô-đun được phân công giảng dạy.
4. Tham gia thiết kế, bố trí trang thiết bị dạy học của phòng học chuyên môn phù hợp với chương trình của ngành, nghề được phân công giảng dạy.
5. Lựa chọn và sử dụng thành thạo các phương pháp sư phạm phù hợp trong tổ chức dạy học để phát huy tính tích cực, chủ động học tập của người học.
6. Có kỹ năng, phương pháp sư phạm phù hợp để triển khai đào tạo trên môi trường số.
7. Thực hiện việc giáo dục đạo đức nghề nghiệp, thái độ nghề nghiệp thông qua việc giảng dạy môn học, mô-đun theo kế hoạch đã xây dựng.
8. Quản lý được thông tin liên quan đến người học trong quá trình giảng dạy.
9. Giám sát được việc học tập, rèn luyện của người học theo kế hoạch đã xây dựng.
10. Thực hiện việc kiểm tra, đánh giá người học một cách toàn diện, chính xác, mang tính giáo dục và đúng quy định.
11. Thực hiện đầy đủ các quy định về sử dụng, bảo quản, lưu trữ biểu mẫu, sổ sách, hồ sơ dạy học theo quy định.

Điều 17. Tiêu chí 6 về Học tập, bồi dưỡng nâng cao

1. Tham gia dự giờ hoặc chủ trì báo cáo sinh hoạt chuyên môn trong năm học.
2. Tham gia thực tập tại doanh nghiệp hằng năm theo quy định.
3. Tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng từ cấp cơ sở trở lên mỗi năm học để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; cập nhật kiến thức, kỹ năng nghề, công nghệ mới, chuyển đổi số, phương pháp giảng dạy trong năm học.
4. Tham gia các kỳ thi hoặc cuộc thi hoặc hội thi hoặc hội giảng từ cấp cơ sở trở lên.

Điều 18. Tiêu chí 7 về Phát triển năng lực nghề nghiệp cho người học

1. Tham gia hướng dẫn thực tập cho người học kết hợp với thực tiễn nghề nghiệp trong năm học.
2. Tham gia bồi dưỡng nâng cao, luyện tay nghề cho người học hoặc nhà giáo đi thi kỳ thi kỹ năng nghề hoặc cuộc thi, hội thi hoặc hội giảng từ cấp cơ sở trở lên.

Điều 19. Tiêu chí 8 về Nghiên cứu khoa học

1. Đối với nhà giáo dạy lý thuyết:

Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ từ cấp cơ sở trở lên hoặc tham gia biên soạn, xây dựng, chỉnh lý chương trình, giáo trình, tài liệu giảng dạy hoặc tham gia các hoạt động khoa học và công nghệ khác trong năm học.

2. Đối với nhà giáo dạy thực hành:

Có sáng kiến kinh nghiệm hoặc cải tiến, tự làm trang thiết bị giảng dạy hoặc tham gia biên soạn, xây dựng, chỉnh lý chương trình, giáo trình, tài liệu giảng dạy hoặc tham gia các hoạt động khoa học và công nghệ khác trong năm học.

3. Đối với nhà giáo dạy tích hợp:

Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ từ cấp cơ sở trở lên hoặc có sáng kiến kinh nghiệm hoặc thiết kế, chế tạo, cải tiến, tự làm trang thiết bị giảng dạy hoặc tham gia biên soạn, xây dựng, chỉnh lý chương trình, giáo trình, tài liệu giảng dạy; hoặc tham gia các hoạt động khoa học và công nghệ khác trong năm học.

Chương IV

CHUẨN VỀ CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ CỦA NHÀ GIÁO DẠY TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG

Mục 1

CHUẨN VỀ CHUYÊN MÔN CỦA NHÀ GIÁO DẠY TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG

Điều 20. Tiêu chí 1 về Trình độ đào tạo

1. Đối với nhà giáo dạy lý thuyết: Có bằng cử nhân hoặc văn bằng trình độ tương đương trở lên phù hợp với ngành, nghề giảng dạy.

2. Đối với nhà giáo dạy thực hành: Có chứng chỉ kỹ năng nghề để dạy thực hành trình độ cao đẳng phù hợp với ngành, nghề giảng dạy.

Nếu không có chứng chỉ kỹ năng nghề để dạy thực hành trình độ cao đẳng phù hợp với ngành, nghề giảng dạy thì phải có một trong các minh chứng về trình độ kỹ năng nghề phù hợp với ngành, nghề giảng dạy sau: Bằng chứng nhận danh hiệu Nghệ nhân ưu tú, Nghệ sĩ ưu tú, Thầy thuốc ưu tú, Nhà giáo ưu tú; Bằng bác sĩ chuyên khoa cấp II; Bằng cử nhân đối với một số ngành, nghề đào tạo chuyên sâu đặc thù (Nghệ thuật, Huấn luyện thể thao, Giáo dục thể chất, Máy tính và công nghệ thông tin, Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài, Ngôn ngữ, văn học và văn hóa Việt Nam); Bằng tốt nghiệp cao đẳng nghề, bằng tốt nghiệp cao đẳng; Chứng chỉ hành nghề theo quy định của pháp luật; Chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bậc 3; Chứng chỉ kỹ năng thực hành nghề trình độ cao đẳng nghề; Chứng nhận bậc thợ 5/7 hoặc 4/6; hoặc các văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận tương đương trở lên.

3. Đối với nhà giáo dạy tích hợp:

a) Có bằng cử nhân hoặc văn bằng trình độ tương đương trở lên phù hợp với ngành, nghề giảng dạy;

b) Có chứng chỉ kỹ năng nghề để dạy thực hành trình độ cao đẳng phù hợp với ngành, nghề giảng dạy. Nếu không có chứng chỉ kỹ năng nghề để dạy trình độ cao đẳng phù hợp với ngành, nghề giảng dạy thì phải một trong các minh chứng về trình độ kỹ năng nghề được quy định tại khoản 2 của Điều này.

Điều 21. Tiêu chí 2 về Năng lực sử dụng ngoại ngữ

Có năng lực sử dụng ngoại ngữ trong thực hiện nhiệm vụ của nhà giáo dạy trình độ cao đẳng theo yêu cầu vị trí việc làm được quy định tại Đề án vị trí việc làm do cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Điều 22. Tiêu chí 3 về Năng lực ứng dụng công nghệ thông tin

Có năng lực ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện nhiệm vụ của nhà giáo dạy trình độ cao đẳng theo yêu cầu vị trí việc làm được quy định tại Đề án vị trí việc làm do cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Mục 2

CHUẨN VỀ NGHIỆP VỤ CỦA NHÀ GIÁO DẠY TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG

Điều 23. Tiêu chí 4 về Trình độ nghiệp vụ sư phạm

Có một trong các minh chứng về trình độ kỹ nghiệp vụ sư phạm sau: Bằng cử nhân sư phạm, cử nhân sư phạm kỹ thuật; Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm dạy trình độ cao đẳng, dạy trình độ trung cấp; Chứng chỉ sư phạm dạy nghề dạy trình độ trung cấp nghề, cao đẳng nghề; Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm dạy trình độ cao đẳng; Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên đại học, cao đẳng; hoặc các văn bằng, chứng chỉ tương đương.

Điều 24. Tiêu chí 5 về Tổ chức hoạt động giảng dạy

1. Lập được kế hoạch giảng dạy và xây dựng giáo án của môn học, mô-đun được phân công giảng dạy.
2. Thực hiện các giờ dạy lý thuyết, thực hành, tích hợp theo quy định.
3. Sử dụng thành thạo các phương tiện, thiết bị dạy học liên quan đến môn học, mô-đun được phân công giảng dạy.
4. Chủ trì hoặc tham gia thiết kế và bố trí trang thiết bị dạy học của phòng học chuyên môn phù hợp với ngành, nghề được phân công giảng dạy.
5. Sử dụng thành thạo, linh hoạt, sáng tạo, hiệu quả các phương pháp sư phạm trong tổ chức dạy học.
6. Vận dụng thành thạo các kỹ năng, phương pháp sư phạm để triển khai đào tạo trên môi trường số.
7. Thực hiện việc giáo dục đạo đức nghề nghiệp, thái độ nghề nghiệp thông qua việc giảng dạy môn học, mô-đun theo kế hoạch đã xây dựng.
8. Quản lý được các thông tin liên quan đến người học trong quá trình giảng dạy.

9. Giám sát được việc học tập, rèn luyện của người học theo kế hoạch đã xây dựng.

10. Thực hiện việc kiểm tra, đánh giá người học một cách toàn diện, chính xác, mang tính giáo dục và đúng quy định.

11. Thực hiện đầy đủ các quy định về sử dụng, bảo quản, lưu trữ biểu mẫu, sổ sách, hồ sơ dạy học.

Điều 25. Tiêu chí 6 về Học tập, bồi dưỡng nâng cao

1. Tham gia dự giờ hoặc chủ trì báo cáo sinh hoạt chuyên môn trong năm học.

2. Tham gia thực tập tại doanh nghiệp hằng năm theo quy định.

3. Tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng từ cấp cơ sở trở lên mỗi năm học để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; cập nhật kiến thức, kỹ năng nghề, công nghệ mới, chuyển đổi số, phương pháp giảng dạy; nâng cao khả năng nghiên cứu và vận dụng đúng quy định các văn bản có liên quan đến nghề nghiệp hoặc lĩnh vực chuyên môn giảng dạy trong năm học.

4. Tham gia các kỳ thi hoặc cuộc thi hoặc hội thi hoặc hội giảng từ cấp cơ sở trở lên.

Điều 26. Tiêu chí 7 về Phát triển năng lực nghề nghiệp cho người học

1. Tham gia hướng dẫn thực tập cho người học kết hợp với thực tiễn nghề nghiệp trong năm học.

2. Tham gia bồi dưỡng nâng cao, luyện tay nghề cho người học hoặc nhà giáo đi thi kỳ thi kỹ năng nghề hoặc cuộc thi, hội thi hoặc hội giảng từ cấp cơ sở trở lên.

Điều 27. Tiêu chí 8 về Nghiên cứu khoa học

1. Đối với nhà giáo dạy lý thuyết:

a) Chủ trì hoặc tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ từ cấp cơ sở trở lên hoặc tham gia các hoạt động khoa học và công nghệ khác trong năm học;

b) Chủ trì hoặc tham gia biên soạn, xây dựng, chỉnh lý, thẩm định chương trình, giáo trình, tài liệu giảng dạy hoặc chương trình, tài liệu bồi dưỡng nghề nghiệp trong năm học.

2. Đối với nhà giáo dạy thực hành:

a) Có sáng kiến kinh nghiệm hoặc chủ trì hoặc tham gia thiết kế, chế tạo, cải tiến thiết bị giảng dạy hoặc tham gia các hoạt động khoa học và công nghệ khác trong năm học;

b) Chủ trì hoặc tham gia biên soạn, xây dựng, chỉnh lý, thẩm định chương trình, giáo trình, tài liệu giảng dạy hoặc chương trình, tài liệu bồi dưỡng nghề nghiệp trong năm học.

3. Đối với nhà giáo dạy tích hợp:

a) Chủ trì hoặc tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ từ cấp cơ sở trở lên hoặc tham gia các hoạt động khoa học và công nghệ khác trong năm học;

b) Có sáng kiến kinh nghiệm hoặc chủ trì hoặc tham gia thiết kế, chế tạo, cải tiến thiết bị giảng dạy hoặc tham gia các hoạt động khoa học và công nghệ khác trong năm học;

c) Chủ trì hoặc tham gia biên soạn, xây dựng, chỉnh lý, thẩm định chương trình, giáo trình, tài liệu giảng dạy hoặc chương trình, tài liệu bồi dưỡng nghề nghiệp trong năm học.

Chương V

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHUẨN CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ ĐỂ ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI NHÀ GIÁO GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

Điều 28. Yêu cầu đánh giá theo chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ

1. Khách quan, toàn diện, công bằng và dân chủ.

2. Dựa trên năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo và điều kiện cụ thể của cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và địa phương.

3. Căn cứ vào mức độ đạt được của các chuẩn và các tiêu chí được quy định tại Chương II, Chương III và Chương IV của Thông tư này và các minh chứng xác thực, phù hợp.

Điều 29. Căn cứ đánh giá nhà giáo

1. Đối với nhà giáo dạy trình độ sơ cấp: Có 07 tiêu chí, 19 chỉ số. Các chỉ số được quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8; các khoản của Điều 9, Điều 10, Điều 11 của Thông tư này.

2. Đối với nhà giáo dạy lý thuyết trình độ trung cấp: Có 08 tiêu chí, 22 chỉ số. Các chỉ số được quy định tại khoản 1 Điều 12; tại các Điều 13, Điều 14, Điều 15; các khoản của Điều 16, Điều 17, Điều 18; khoản 1 Điều 19 của Thông tư này.

3. Đối với nhà giáo dạy thực hành trình độ trung cấp: Có 08 tiêu chí, 22 chỉ số. Các chỉ số được quy định tại khoản 2 Điều 12; tại các Điều 13, Điều 14, Điều 15; các khoản của Điều 16, Điều 17, Điều 18; khoản 2 Điều 19 của Thông tư này.

4. Đối với nhà giáo dạy tích hợp trình độ trung cấp: Có 08 tiêu chí, 23 chỉ số. Các chỉ số được quy định tại các điểm thuộc khoản 3 Điều 12; tại các Điều 13, Điều 14, Điều 15; các khoản của Điều 16, Điều 17, Điều 18; khoản 3 Điều 19 của Thông tư này.

5. Đối với nhà giáo dạy lý thuyết trình độ cao đẳng: Có 08 tiêu chí, 23 chỉ số. Các chỉ số được quy định tại khoản 1 Điều 20; tại các Điều 21, Điều 22, Điều 23; các khoản của Điều 24, Điều 25, Điều 26; các điểm thuộc khoản 1 Điều 27 của Thông tư này.

6. Đối với nhà giáo dạy thực hành trình độ cao đẳng: Có 08 tiêu chí, 23 chỉ số. Các chỉ số được quy định tại khoản 2 Điều 20; tại các Điều 21, Điều 22, Điều 23; các khoản của Điều 24, Điều 25, Điều 26; các điểm thuộc khoản 2 Điều 27 của Thông tư này.

7. Đối với nhà giáo dạy tích hợp trình độ cao đẳng: Có 08 tiêu chí, 25 chỉ số. Các chỉ số được quy định tại các điểm thuộc khoản 3 Điều 20; tại các Điều 21, Điều 22, Điều 23; các khoản của Điều 24, Điều 25, Điều 26; các điểm thuộc khoản 3 Điều 27 của Thông tư này.

Điều 30. Điểm đánh giá

1. Điểm đánh giá tối đa của mỗi chỉ số là 4 điểm. Hiệu trưởng, Giám đốc cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên quyết định việc cho điểm chi tiết từng chỉ số theo 05 (năm) mức: 0, 1, 2, 3, 4. Riêng điểm đánh giá của Tiêu chí 1 quy định tại Điều 5, Điều 12, Điều 20 và điểm đánh giá của Tiêu chí 4 quy định tại Điều 8, Điều 15, Điều 23 chỉ đánh giá ở 02 (hai) mức: 0 hoặc 4.

2. Điểm đánh giá tối đa của tiêu chí là tổng số điểm đánh giá tối đa của các chỉ số có trong tiêu chí.

3. Điểm đánh giá tối đa của chuẩn là tổng số điểm đánh giá tối đa của các tiêu chí có trong chuẩn.

4. Tổng số điểm đánh giá tối đa của nhà giáo là tổng số điểm đánh giá tối đa của các chuẩn đối với từng nhà giáo. Tổng số điểm đánh giá tối đa đối với nhà giáo dạy trình độ sơ cấp là 76 điểm; nhà giáo dạy lý thuyết và nhà giáo dạy thực hành trình độ trung cấp là 88 điểm; nhà giáo dạy tích hợp trình độ trung cấp là 92 điểm; nhà giáo dạy lý thuyết và nhà giáo dạy thực hành trình độ cao đẳng là 92 điểm; nhà giáo dạy tích hợp trình độ cao đẳng là 100 điểm.

5. Công thức tính điểm đánh giá quy đổi theo thang điểm 100

$$\text{Điểm quy đổi} = \frac{\text{Tổng số điểm đánh giá đạt được} \times 100}{\text{Tổng số điểm đánh giá tối đa}}$$

Điểm quy đổi chỉ lấy phần nguyên, sau khi đã làm tròn đến một chữ số thập phân đằng sau dấu phẩy.

6. Nhà giáo tham gia giảng dạy nhiều cấp trình độ đào tạo thì đánh giá, xếp loại theo chuẩn của nhà giáo giảng dạy ở cấp trình độ cao nhất.

7. Nhà giáo dạy môn học chung thực hiện đánh giá theo quy định đối với nhà giáo dạy lý thuyết.

Điều 31. Xếp loại nhà giáo

1. Không đạt chuẩn

Nhà giáo không đạt chuẩn thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Điểm quy đổi dưới 50 điểm;

b) Điểm quy đổi từ 50 điểm trở lên nhưng có tiêu chí có điểm đánh giá bằng 0 điểm hoặc điểm đánh giá của Tiêu chí 1 quy định tại Điều 5, Điều 12, Điều 20 và điểm đánh giá của Tiêu chí 4 quy định tại Điều 8, Điều 15, Điều 23 không đạt điểm đánh giá tối đa.

2. Đạt chuẩn

a) Loại C: Điểm quy đổi đạt từ 50 điểm đến dưới 65 điểm và không có tiêu chí nào có điểm đánh giá bằng 0 điểm. Trong đó, điểm đánh giá của Tiêu chí 1 quy định tại Điều 5, Điều 12, Điều 20 và điểm đánh giá của Tiêu chí 4 quy định tại Điều 8, Điều 15, Điều 23 đạt điểm đánh giá tối đa;

b) Loại B: Điểm quy đổi đạt từ 65 điểm đến dưới 80 điểm và không có tiêu chí nào có điểm đánh giá bằng 0 điểm. Trong đó, điểm đánh giá của Tiêu chí 1 quy định tại Điều 5, Điều 12, Điều 20 và điểm đánh giá của Tiêu chí 4 quy định tại Điều 8, Điều 15, Điều 23 đạt điểm đánh giá tối đa;

c) Loại A: Điểm quy đổi đạt từ 80 điểm đến 100 điểm và không có tiêu chí nào có điểm đánh giá bằng 0 điểm. Trong đó, điểm đánh giá của Tiêu chí 1 quy định tại Điều 5, Điều 12, Điều 20 và điểm đánh giá của Tiêu chí 4 quy định tại Điều 8, Điều 15, Điều 23 đạt điểm đánh giá tối đa.

Điều 32. Quy trình đánh giá, xếp loại nhà giáo

1. Nhà giáo tự đánh giá, xếp loại theo từng năm học (theo mẫu số 01a, 01b, 01c ban hành kèm theo Thông tư này).

2. Khoa, tổ bộ môn tổ chức đánh giá, xếp loại nhà giáo theo từng năm học (theo mẫu số 01a, 01b, 01c ban hành kèm theo Thông tư này); báo cáo tổng hợp kết quả đánh giá, xếp loại nhà giáo vào cuối năm học cho Hiệu trưởng, Giám đốc cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên (theo mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư này).

3. Hiệu trưởng, Giám đốc cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên tổ chức đánh giá, xếp loại nhà giáo ở cấp cơ sở và quyết định mức xếp loại nhà giáo vào cuối năm học (theo mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư này).

Chương VI TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 33. Trách nhiệm của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp

1. Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc tổ chức thực hiện đánh giá, xếp loại nhà giáo trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên theo các quy định tại Thông tư này.

2. Tổng hợp kết quả đánh giá, xếp loại nhà giáo hàng năm. Trên cơ sở đó xây dựng chương trình, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng để chuẩn hóa và nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên.

3. Hướng dẫn các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, căn cứ tình hình thực tế, thực hiện công tác chuẩn hóa chuyên môn, nghiệp vụ cho nhà giáo giáo dục nghề nghiệp theo các quy định tại Thông tư này.

Điều 34. Trách nhiệm của các Bộ, ngành, Tổ chức chính trị - xã hội, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

1. Phối hợp chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc tổ chức thực hiện đánh giá, xếp loại nhà giáo theo các quy định tại Thông tư này đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thuộc thẩm quyền quản lý.

2. Gửi báo cáo tổng hợp kết quả đánh giá, xếp loại nhà giáo về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (qua Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp) trước ngày 31/7 hằng năm (theo mẫu số 04 ban hành kèm theo Thông tư này).

3. Căn cứ kết quả đánh giá, chỉ đạo xây dựng và phê duyệt kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng của Bộ, ngành, địa phương để chuẩn hóa và nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thuộc thẩm quyền quản lý.

4. Các Bộ chuyên ngành đề xuất, thống nhất với Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội về các văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận khác được công nhận đạt chuẩn trình độ kỹ năng nghề để dạy thực hành và trình độ nghiệp vụ sư phạm của nhà giáo được quy định tại Thông tư này.

Điều 35. Trách nhiệm của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

1. Tham mưu cho Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để phối hợp chỉ đạo, kiểm tra việc tổ chức thực hiện đánh giá, xếp loại nhà giáo trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thuộc thẩm quyền quản lý theo các quy định tại Thông tư này.

2. Tổng hợp kết quả đánh giá, xếp loại nhà giáo hằng năm (theo mẫu số 04 ban hành kèm theo Thông tư này) và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

3. Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng để chuẩn hóa và nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo trong cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý, trình Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phê duyệt theo quy định.

Điều 36. Trách nhiệm của cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên

1. Thực hiện việc đánh giá, xếp loại nhà giáo hằng năm vào cuối năm học theo các quy định tại Thông tư này; đảm bảo tính trung thực, khách quan, toàn diện, khoa học, dân chủ và công bằng; phản ánh đúng năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo trong điều kiện cụ thể của cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên.

2. Xác định chuyên môn đào tạo của nhà giáo theo yêu cầu vị trí việc làm, phù hợp với ngành, nghề được phân công giảng dạy; quy định các minh chứng cụ thể phù hợp với các chuẩn và các tiêu chí được quy định tại Chương II, Chương III và Chương IV của Thông tư này.

3. Bố trí giảng dạy cho nhà giáo đạt chuẩn theo yêu cầu vị trí việc làm, có chuyên môn đào tạo phù hợp với ngành, nghề được phân công giảng dạy.

4. Báo cáo kết quả đánh giá, xếp loại nhà giáo cho cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp (theo mẫu số 05 ban hành kèm theo Thông tư này hoặc cập nhật vào phần mềm cơ sở dữ liệu giáo dục nghề nghiệp theo hướng dẫn của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp).

5. Căn cứ kết quả đánh giá, xếp loại nhà giáo hằng năm, xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên để chuẩn hóa và nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

6. Lưu hồ sơ đánh giá, xếp loại nhà giáo hằng năm tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên trong thời gian tối thiểu 5 năm kể từ năm đánh giá, xếp loại.

7. Có cơ chế khuyến khích, động viên đối với các nhà giáo đạt chuẩn loại B trở lên.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 37. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với những ngành, nghề đã được cơ quan có thẩm quyền ban hành chương trình, ngân hàng đề thi, kiểm tra, đánh giá để cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia hoặc chứng chỉ kỹ năng thực hành nghề trình độ cao đẳng nghề hoặc chứng chỉ kỹ năng nghề để dạy thực hành cho nhà giáo giáo dục nghề nghiệp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì nhà giáo phải hoàn thiện trong thời gian 12 tháng kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực để đáp ứng chuẩn nếu không có các minh chứng khác về trình độ kỹ năng nghề quy định tại Thông tư này.

2. Đối với những ngành, nghề có chương trình, ngân hàng đề thi, kiểm tra, đánh giá để cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia hoặc chứng chỉ kỹ năng thực hành nghề trình độ cao đẳng nghề hoặc chứng chỉ kỹ năng nghề để dạy thực hành cho nhà giáo giáo dục nghề nghiệp được cơ quan có thẩm quyền ban hành từ ngày Thông tư này có hiệu lực thì nhà giáo phải hoàn thiện trong thời gian 12 tháng kể từ ngày ban hành chương trình, ngân hàng đề thi, kiểm tra, đánh giá để đáp ứng chuẩn nếu không có các minh chứng khác về trình độ kỹ năng nghề quy định tại Thông tư này.

Điều 38. Công nhận đạt chuẩn

Các văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận khác về trình độ kỹ năng nghề, trình độ nghiệp vụ sư phạm do Bộ chuyên ngành đề xuất và được Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quyết định công nhận đạt chuẩn về trình độ kỹ năng nghề để dạy thực hành, trình độ nghiệp vụ sư phạm của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp.

Điều 39. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2023.

2. Việc đánh giá, xếp loại nhà giáo theo các quy định tại Thông tư này được áp dụng từ năm học 2023-2024.

3. Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ nhà giáo giáo dục nghề nghiệp; Thông tư số 21/2020/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực.

4. Bãi bỏ Điều 4 Thông tư số 34/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 42/2015/TT-BLĐTBXH ngày 20 tháng 10 năm 2015 quy định về đào tạo trình độ sơ cấp, Thông tư số 43/2015/TT-BLĐTBXH ngày 20 tháng 10 năm 2015 quy định về đào tạo thường xuyên, Thông tư số 07/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10 tháng 3 năm 2017 quy định chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp, Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10 tháng 3 năm 2017 quy định chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ đối với nhà giáo giáo dục nghề nghiệp, Thông tư số 10/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13 tháng 3 năm 2017 quy định về mẫu bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng; việc in, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng và Thông tư số 31/2017/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2017 quy định về đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp theo hình thức đào tạo vừa làm vừa học.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để được hướng dẫn./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng và các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội, Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- HẸND, UBND, Sở LĐTBXH các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo; Công TTĐT Chính phủ;
- Bộ LĐTBXH: Lãnh đạo Bộ, Vụ Pháp chế, Vụ TCCB, Công TTĐT;
- Lưu: VT, TCGDNN.

BỘ TRƯỞNG

Đào Ngọc Dung

Mẫu số 01a

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2023/TT-BLĐTBXH ngày tháng năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

TÊN CƠ SỞ/TRUNG TÂM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÊN KHOA, TỔ BỘ MÔN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ CỦA NHÀ GIÁO DẠY TRÌNH ĐỘ SƠ CẤP

Năm học:

Họ và tên:

Khoa, tổ bộ môn:

Các tiêu chí và chỉ số	Nhà giáo tự đánh giá xếp loại		Khoa, tổ bộ môn đánh giá, xếp loại	
	Điểm đánh giá đạt được	Các minh chứng	Điểm đánh giá đạt được	Các minh chứng
Tiêu chí 1 về Trình độ đào tạo				
Tiêu chí 2 về Năng lực sử dụng ngoại ngữ				
Tiêu chí 3 về Năng lực ứng dụng công nghệ thông tin				
Tiêu chí 4 về Trình độ nghiệp vụ sư phạm				
Tiêu chí 5 về Tổ chức hoạt động giảng dạy				
Chỉ số 1				
Chỉ số 2				
Chỉ số 3				
Chỉ số 4				
Chỉ số 5				
Chỉ số 6				
Chỉ số 7				
Chỉ số 8				
Chỉ số 9				
Tiêu chí 6 về Học tập, bồi dưỡng nâng cao				
Chỉ số 1				
Chỉ số 2				
Chỉ số 3				
Chỉ số 4				
Tiêu chí 7 về Phát triển năng lực nghề nghiệp cho người học				
Chỉ số 1				
Chỉ số 2				
Tổng số điểm đánh giá				
Điểm quy đổi				
Xếp loại				

....., ngày..... tháng..... năm.....

Nhà giáo tự đánh giá
(Ký và ghi rõ họ, tên)

....., ngày..... tháng..... năm.....

Lãnh đạo khoa, tổ bộ môn
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Mẫu số 01b

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2023/TT-BLĐTBXH ngày tháng năm 2023
của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

TÊN CƠ SỞ/TRUNG TÂM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÊN KHOA, TỔ BỘ MÔN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ CỦA NHÀ GIÁO
DẠY TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP**

Năm học:

Họ và tên:

Khoa, tổ bộ môn:

Nhiệm vụ được phân công giảng dạy (Lý thuyết, thực hành, tích hợp).....

Các tiêu chí và chỉ số	Nhà giáo tự đánh giá xếp loại		Khoa, tổ bộ môn đánh giá, xếp loại	
	Điểm đánh giá đạt được	Các minh chứng	Điểm đánh giá đạt được	Các minh chứng
Tiêu chí 1 về Trình độ đào tạo				
Chỉ số 1				
Chỉ số 2				
Tiêu chí 2 về Năng lực sử dụng ngoại ngữ				
Tiêu chí 3 về Năng lực ứng dụng công nghệ thông tin				
Tiêu chí 4 về Trình độ nghiệp vụ sư phạm				
Tiêu chí 5 về Tổ chức hoạt động giảng dạy				
Chỉ số 1				
Chỉ số 2				
Chỉ số 3				
Chỉ số 4				
Chỉ số 5				
Chỉ số 6				
Chỉ số 7				
Chỉ số 8				
Chỉ số 9				
Chỉ số 10				
Chỉ số 11				
Tiêu chí 6 về Học tập, bồi dưỡng nâng cao				
Chỉ số 1				
Chỉ số 2				
Chỉ số 3				
Chỉ số 4				
Tiêu chí 7 về Phát triển năng lực nghề nghiệp cho người học				
Chỉ số 1				

Chi số 2				
Tiêu chí 8 về Nghiên cứu khoa học				
Tổng số điểm đánh giá				
Điểm quy đổi				
Xếp loại				

Ghi chú:

Đối với nhà giáo dạy lý thuyết và dạy thực hành trình độ trung cấp: Tiêu chí 1 không có các chỉ số thành phần.

....., ngày..... tháng..... năm.....

Nhà giáo tự đánh giá
(Ký và ghi rõ họ, tên)

....., ngày..... tháng..... năm.....

Lãnh đạo khoa, tổ bộ môn
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Mẫu số 01c

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2023/TT-BLĐTBXH ngày tháng năm 2023
của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

TÊN CƠ SỞ/TRUNG TÂM
TÊN KHOA, TỔ BỘ MÔN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ CỦA NHÀ GIÁO
DẠY TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG**

Năm học:

Họ và tên:

Khoa, tổ bộ môn:

Nhiệm vụ được phân công giảng dạy (Lý thuyết, thực hành, tích hợp).....

Các tiêu chí và chỉ số	Nhà giáo tự đánh giá xếp loại		Khoa, tổ bộ môn đánh giá, xếp loại	
	Điểm đánh giá đạt được	Các minh chứng	Điểm đánh giá đạt được	Các minh chứng
Tiêu chí 1 về Trình độ đào tạo				
Chỉ số 1				
Chỉ số 2				
Tiêu chí 2 về Năng lực sử dụng ngoại ngữ				
Tiêu chí 3 về Năng lực ứng dụng công nghệ thông tin				
Tiêu chí 4 về Trình độ nghiệp vụ sư phạm				
Tiêu chí 5 về Tổ chức hoạt động giảng dạy				
Chỉ số 1				
Chỉ số 2				
Chỉ số 3				
Chỉ số 4				
Chỉ số 5				
Chỉ số 6				
Chỉ số 7				
Chỉ số 8				
Chỉ số 9				
Chỉ số 10				
Chỉ số 11				
Tiêu chí 6 về Học tập, bồi dưỡng nâng cao				
Chỉ số 1				
Chỉ số 2				
Chỉ số 3				
Chỉ số 4				
Tiêu chí 7 về Phát triển năng lực nghề nghiệp cho người học				
Chỉ số 1				

Chỉ số 2				
Tiêu chí 8 về Nghiên cứu khoa học				
Chỉ số 1				
Chỉ số 2				
Chỉ số 3				
Tổng số điểm đánh giá				
Điểm quy đổi				
Xếp loại				

Ghi chú:

Đối với nhà giáo dạy lý thuyết và dạy thực hành trình độ cao đẳng: Tiêu chí 1 không có các chỉ số thành phần và Tiêu chí 8 không có chỉ số 3

....., ngày..... tháng..... năm.....

Nhà giáo tự đánh giá
(Ký và ghi rõ họ, tên)

....., ngày..... tháng..... năm.....

Lãnh đạo khoa, tổ bộ môn
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Mẫu số 03

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2023/TT-BLĐTBXH ngày tháng năm 2023
của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

TÊN CƠ SỞ/TRUNG TÂM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**PHIẾU TỔNG HỢP ĐÁNH GIÁ,
XẾP LOẠI CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ NHÀ GIÁO**

STT	Họ và tên nhà giáo	Cấp trình độ giảng dạy			Nhiệm vụ giảng dạy			Tự đánh giá, xếp loại của nhà giáo	Đánh giá, xếp loại nhà giáo của Khoa, tổ bộ môn	Đánh giá, xếp loại nhà giáo của cơ sở/trung tâm
		Sơ cấp (x)	Trung cấp (x)	Cao đẳng (x)	Dạy lý thuyết (x)	Dạy thực hành (x)	Dạy tích hợp (x)			
I	Khoa									
II	Tổ bộ môn....									

....., ngày..... tháng..... năm.....
HIỆU TRƯỞNG, GIÁM ĐỐC
(Ký tên và đóng dấu)

Mẫu số 04

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2023/TT-BLĐTBXH ngày tháng năm 2023
của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

**TÊN BỘ, CƠ QUAN NGANG BỘ,
UBND TỈNH, THÀNH PHỐ
TRỰC THUỘC TW, CƠ QUAN
TW CỦA CÁC TỔ CHỨC CHÍNH
TRỊ - XÃ HỘI, SỞ LĐ-TB&XH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/BC-.....

**BÁO CÁO KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ,
XẾP LOẠI NHÀ GIÁO VỀ CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ**

Năm học:

Kính gửi:

I. Báo cáo xếp loại nhà giáo về chuyên môn, nghiệp vụ (chi tiết tại phụ lục kèm theo)

Tổng số nhà giáo: Trong đó:

1. Đối với các trường cao đẳng

Tổng số nhà giáo là:

+ Số nhà giáo đạt chuẩn Loại A:.....; Loại B:.....; Loại C:.....

+ Số nhà giáo chưa đạt chuẩn:.....

2. Đối với các trường trung cấp

Tổng số nhà giáo là:.....

+ Số nhà giáo đạt chuẩn Loại A:.....; Loại B:.....; Loại C:.....

+ Số nhà giáo chưa đạt chuẩn:.....

3. Đối với các trung tâm giáo dục nghề nghiệp

Tổng số nhà giáo là:.....

+ Số nhà giáo đạt chuẩn Loại A:.....; Loại B:.....; Loại C:.....

+ Số nhà giáo chưa đạt chuẩn:.....

4. Đối với các cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp (cơ sở giáo dục đại học, doanh nghiệp)

Tổng số nhà giáo là:.....

+ Số nhà giáo đạt chuẩn Loại A:.....; Loại B:.....; Loại C:.....

+ Số nhà giáo chưa đạt chuẩn:.....

5. Đối với các trung tâm giáo dục nghề nghiệp - trung tâm giáo dục thường xuyên

Tổng số nhà giáo là:.....

+ Số nhà giáo đạt chuẩn Loại A:.....; Loại B:.....; Loại C:.....

+ Số nhà giáo chưa đạt chuẩn:.....

II. Các giải pháp về động viên, khuyến khích nhà giáo đạt chuẩn loại A, B (nếu có)

.....
.....
.....

III. Các giải pháp về đào tạo, bồi dưỡng để chuẩn hóa và nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo (nếu có)

.....
.....
.....

....., ngày tháng năm

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

(Ký tên và đóng dấu)

Mẫu số 05

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2023/TT-BLĐTBXH ngày tháng năm 2023
của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
(nếu có) Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TÊN CƠ SỞ/TRUNG TÂM -----

Số:/BC-.....

**BÁO CÁO KẾT QUẢ
ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI NHÀ GIÁO VỀ CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ**

Năm học:.....

Kính gửi:

I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên

1. Tên cơ sở/trung tâm:.....
2. Địa chỉ:
3. Điện thoại:.....; fax:.....; email:.....

II. Báo cáo xếp loại nhà giáo về chuyên môn, nghiệp vụ (chi tiết tại phụ lục kèm theo)

Tổng số nhà giáo là: Trong đó:

- Số nhà giáo đạt chuẩn Loại A:.....; Loại B:.....; Loại C:.....
- Số nhà giáo chưa đạt chuẩn:.....

III. Các giải pháp về động viên, khuyến khích nhà giáo đạt chuẩn loại A, B (nếu có)

.....
.....
.....

IV. Các giải pháp về đào tạo, bồi dưỡng để chuẩn hóa và nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo (nếu có)

.....
.....

....., ngày tháng năm.....

HIỆU TRƯỞNG, GIÁM ĐỐC

(Ký tên và đóng dấu)

